

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ
KỲ THI NGÀY 16/03/2025**

STT	Mã SV	Họ tên		Ngành	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	430834	Lục Quốc	Long	Luật	Anh văn	
2	432060	Hà Quỳnh	Như	Luật	Anh văn	
3	441821	Lê Thị Thu	Ngân	Luật	Anh văn	
4	441841	Lê Huyền	Thanh	Luật	Anh văn	
5	441842	Trần Phương	Linh	Luật	Anh văn	
6	441864	Lục Văn	Lộc	Luật	Anh văn	
7	450217	Đinh Thị	Hậu	Luật	Anh văn	
8	450418	Vũ Xuân	Kỳ	Luật	Anh văn	
9	450522	Trần Văn	Hậu	Luật	Anh văn	
10	450933	Nguyễn Doãn	Doanh	Luật	Anh văn	
11	451034	Nguyễn Văn	Nam	Luật	Anh văn	
12	451710	Nguyễn Sơn	Tùng	Luật	Anh văn	
13	453811	Nguyễn Thị Băng	Khanh	Luật	Anh văn	
14	460101	Bùi Linh	An	Luật	Anh văn	
15	460105	Lê Văn	Anh	Luật	Anh văn	
16	460106	Nguyễn Phương	Anh	Luật	Anh văn	
17	460110	Trần Xuân	Bách	Luật	Anh văn	
18	460113	Hoàng Ngọc Bảo	Chung	Luật	Anh văn	
19	460116	Nguyễn Thị	Đào	Luật	Anh văn	
20	460124	Nguyễn Minh	Hiếu	Luật	Anh văn	
21	460132	Vũ Khánh	Linh	Luật	Anh văn	
22	460135	Phí Thị Hồng	Minh	Luật	Anh văn	
23	460142	Hoàng Anh	Quang	Luật	Anh văn	
24	460149	Nguyễn Thị Thu	Trang	Luật	Anh văn	
25	460150	Nguyễn Mạnh	Trí	Luật	Anh văn	
26	460215	Phạm Hồng	Đức	Luật	Anh văn	
27	460221	Nguyễn Trung	Hiếu	Luật	Anh văn	
28	460228	Hoàng Khánh	Linh	Luật	Anh văn	
29	460231	Vũ Khánh	Linh	Luật	Anh văn	
30	460233	Lê Thanh	Mai	Luật	Anh văn	
31	460239	Trần Huy	Phong	Luật	Anh văn	
32	460256	Trần Minh	Thu	Luật	Anh văn	
33	460258	Nguyễn Đức	Tiến	Luật	Anh văn	
34	460262	Nguyễn Thị	Uyên	Luật	Anh văn	
35	460303	Lê Thị Phương	Anh	Luật	Anh văn	
36	460311	Đặng Thị Thúy	Đạt	Luật	Anh văn	
37	460312	Phạm Minh	Đức	Luật	Anh văn	
38	460315	Trần Thu	Hà	Luật	Anh văn	
39	460319	Đỗ Đức	Hiếu	Luật	Anh văn	
40	460321	Vũ Huy	Hoàng	Luật	Anh văn	
41	460325	Phạm Thành	Hưng	Luật	Anh văn	

STT	Mã SV	Họ tên		Ngành	Ngoại ngữ	Ghi chú
42	460329	Trương Thị Mai	Linh	Luật	Anh văn	
43	460332	Lưu Thị Huyền	Mai	Luật	Anh văn	
44	460339	Hà Trọng	Phúc	Luật	Anh văn	
45	460343	Lương Thái	Sơn	Luật	Anh văn	
46	460347	Đào Quỳnh	Trang	Luật	Anh văn	
47	460349	Nguyễn Ngọc	Trọng	Luật	Anh văn	
48	460356	Hoàng Thị Thu	Hoài	Luật	Anh văn	
49	463036	Đoàn Thanh	Thúy	Luật	Anh văn	
50	460404	Vũ Huyền Hoài	Anh	Luật	Anh văn	
51	460440	Vương Toàn	Thuận	Luật	Anh văn	
52	460504	Nguyễn Thị Kim	Anh	Luật	Anh văn	
53	460506	Nguyễn Lương	Bằng	Luật	Anh văn	
54	460510	Nguyễn Hữu	Đạt	Luật	Anh văn	
55	460511	Trần Xuân	Đức	Luật	Anh văn	
56	460513	Nguyễn Việt	Hà	Luật	Anh văn	
57	460522	Lê Thị Thu	Huyền	Luật	Anh văn	
58	460527	Nguyễn Thùy	Linh	Luật	Anh văn	
59	460530	Lê Hương	Ly	Luật	Anh văn	
60	460537	Trần Hồng	Phúc	Luật	Anh văn	
61	460552	Nguyễn Đức	Việt	Luật	Anh văn	
62	460562	Đặng Tiến	Sơn	Luật	Anh văn	
63	460601	Vũ Hà	An	Luật	Anh văn	
64	460602	Lưu Lan	Anh	Luật	Anh văn	
65	460603	Nguyễn Thị Vân	Anh	Luật	Anh văn	
66	460605	Vũ Mỹ Hoàng	Anh	Luật	Anh văn	
67	460606	Đào Thị	Bình	Luật	Anh văn	
68	460607	Phạm Trần Khánh	Chi	Luật	Anh văn	
69	460611	Nguyễn Thành	Đạt	Luật	Anh văn	
70	460612	Vũ Văn	Đức	Luật	Anh văn	
71	460619	Đỗ Chí	Hùng	Luật	Anh văn	
72	460620	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	Luật	Anh văn	
73	460627	Lê Linh	Loan	Luật	Anh văn	
74	460628	Lò Thị Khánh	Ly	Luật	Anh văn	
75	460630	Trần Ngọc	Mai	Luật	Anh văn	
76	460637	Đặng Xuân	Phong	Luật	Anh văn	
77	460642	Phạm Thái	Sơn	Luật	Anh văn	
78	460643	Nguyễn Thị Minh	Tâm	Luật	Anh văn	
79	460644	Nguyễn Bắc	Thành	Luật	Anh văn	
80	460649	Đinh Thùy	Trang	Luật	Anh văn	
81	460650	Phạm Huyền	Trang	Luật	Anh văn	
82	460710	Đồng Thị Ánh	Dương	Luật	Anh văn	
83	460711	Phạm Vũ Linh	Đan	Luật	Anh văn	
84	460717	Thường Minh	Hiếu	Luật	Anh văn	
85	460724	Trịnh Thị	Liên	Luật	Anh văn	
86	460727	Nguyễn Thái Thùy	Linh	Luật	Anh văn	
87	460732	Trần Tuấn	Minh	Luật	Anh văn	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Ngoại ngữ	Ghi chú
88	460738	Võ Thị Hồng Nhung	Luật	Anh văn	
89	460801	Bùi Tiến Anh	Luật	Anh văn	
90	460804	Vũ Quỳnh Anh	Luật	Anh văn	
91	460807	Phạm Thùy Dung	Luật	Anh văn	
92	460809	Vũ Hoàng Đạt	Luật	Anh văn	
93	460820	Linh Thị Ngọc Lan	Luật	Anh văn	
94	460823	Phan Diệu Linh	Luật	Anh văn	
95	460830	Trần Xuân Mạnh	Luật	Anh văn	
96	460838	Đặng Minh Phương	Luật	Anh văn	
97	460848	Hoắc Thị Trang	Luật	Anh văn	
98	460851	Hoàng Thị Tú Uyên	Luật	Anh văn	
99	460855	Lò Khánh Linh	Luật	Anh văn	
100	460905	Trần Minh Anh	Luật	Anh văn	
101	460908	Trịnh Thùy Dung	Luật	Anh văn	
102	460920	Nguyễn Anh Tuấn	Luật	Anh văn	
103	460923	Đinh Hoàng Long	Luật	Anh văn	
104	460930	Lê Bảo Ngọc	Luật	Anh văn	
105	460931	Nguyễn Minh Ngọc	Luật	Anh văn	
106	460933	Lê Yến Nhi	Luật	Anh văn	
107	460946	Trần Quốc Tình	Luật	Anh văn	
108	460951	Nguyễn Tiến Vũ	Luật	Anh văn	
109	460953	Trần Việt Anh	Luật	Anh văn	
110	461012	Hoàng Hải Đăng	Luật	Anh văn	
111	461027	Phạm Trần Thùy Linh	Luật	Anh văn	
112	461028	Lý Xuân Long	Luật	Anh văn	
113	461059	Dương Thị Mai	Luật	Anh văn	
114	461105	Phạm Minh Anh	Luật	Anh văn	
115	461109	Nguyễn Thị Thùy Dương	Luật	Anh văn	
116	461111	Mai Thị Giang	Luật	Anh văn	
117	461121	Bùi Tuấn Khởi	Luật	Anh văn	
118	461137	Nguyễn Mạnh Quỳnh	Luật	Anh văn	
119	461158	Lương Đức Quân	Luật	Anh văn	
120	461160	Trương Công Thanh	Luật	Anh văn	
121	461204	Nguyễn Minh ánh	Luật	Anh văn	
122	461209	Nguyễn Thùy Dương	Luật	Anh văn	
123	461210	Nguyễn Thị Hương Giang	Luật	Anh văn	
124	461214	Trịnh Thu Hiền	Luật	Anh văn	
125	461217	Nguyễn Thị Khánh Huyền	Luật	Anh văn	
126	461224	Trần Diệu Linh	Luật	Anh văn	
127	461229	Dương Thị Trà My	Luật	Anh văn	
128	461238	Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh	Luật	Anh văn	
129	461248	Nguyễn Ngọc Trinh	Luật	Anh văn	
130	461303	Lưu Thị Phương Anh	Luật	Anh văn	
131	461324	Ngô Khánh Linh	Luật	Anh văn	
132	461334	Trịnh Thị Yến Nhi	Luật	Anh văn	
133	461336	Nguyễn Thu Phương	Luật	Anh văn	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Ngoại ngữ	Ghi chú
134	461339	Trần Thị Minh Tâm	Luật	Anh văn	
135	461341	Nguyễn Phương Thảo	Luật	Anh văn	
136	461345	Đinh Thị Thu Trang	Luật	Anh văn	
137	461359	La Thị Tuyết	Luật	Anh văn	
138	461417	Đỗ Thị Hào	Luật	Anh văn	
139	461421	Nguyễn Quang Huy	Luật	Anh văn	
140	461422	Phan Ngọc Khánh Huyền	Luật	Anh văn	
141	461424	Vũ Thị Minh Huyền	Luật	Anh văn	
142	461429	Nguyễn Hà Cẩm Linh	Luật	Anh văn	
143	461430	Trịnh Diệu Linh	Luật	Anh văn	
144	461433	Đào Nguyễn Phương Mai	Luật	Anh văn	
145	461444	Phạm Thị Kim Thoa	Luật	Anh văn	
146	461449	Trịnh Doãn Tùng	Luật	Anh văn	
147	461450	Lê Nam Quốc Việt	Luật	Anh văn	
148	461508	Lê Thị Hồng Duyên	Luật	Anh văn	
149	461509	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Luật	Anh văn	
150	461515	Hoàng Thu Hà	Luật	Anh văn	
151	461523	Vì Trung Kiên	Luật	Anh văn	
152	461550	Đan Hoàng Tùng	Luật	Anh văn	
153	461601	Đoàn Nguyễn Ngọc Anh	Luật	Anh văn	
154	461603	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	Luật	Anh văn	
155	461610	Phạm Tuấn Đạt	Luật	Anh văn	
156	461621	Phạm Đức Huy	Luật	Anh văn	
157	461622	Giang Lý Huỳnh	Luật	Anh văn	
158	461634	Nguyễn Trung Nghĩa	Luật	Anh văn	
159	461637	Hoàng Tuyết Nhung	Luật	Anh văn	
160	461638	Phan Nguyễn Thu Oanh	Luật	Anh văn	
161	461642	Đỗ Quang Thái	Luật	Anh văn	
162	461650	Nguyễn Thị Vân	Luật	Anh văn	
163	461653	Sầm Mỹ Hạnh	Luật	Anh văn	
164	461660	Nguyễn Minh Thư	Luật	Anh văn	
165	461661	Đinh Đức Tuấn	Luật	Anh văn	
166	453802	Nguyễn Quốc Huy	Luật	Anh văn	
167	453807	Đỗ Đức Anh	Luật	Anh văn	
168	463406	Nguyễn Bùi Hoàng Anh	Luật	Anh văn	
169	463412	Nguyễn Thùy Chi	Luật	Anh văn	
170	463413	Trần Ngọc Chung	Luật	Anh văn	
171	463417	Phạm Thị Thùy Dương	Luật	Anh văn	
172	463423	Nguyễn Ngọc Hà	Luật	Anh văn	
173	463427	Bùi Anh Hoàn	Luật	Anh văn	
174	463428	Lê Thái Hoàng	Luật	Anh văn	
175	463433	Lê Minh Hùng	Luật	Anh văn	
176	463438	Phan Thùy Linh	Luật	Anh văn	
177	463442	Nguyễn Ngọc Mai	Luật	Anh văn	
178	463445	Bùi Hoàng Nam	Luật	Anh văn	
179	463446	Dương Nguyên Hải Nam	Luật	Anh văn	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Ngoại ngữ	Ghi chú
180	463454	Nguyễn Minh Quang	Luật	Anh văn	
181	463456	Trần Minh Sang	Luật	Anh văn	
182	463464	Nguyễn Văn Tình	Luật	Anh văn	
183	463465	Ngô Thùy Trang	Luật	Anh văn	
184	463469	Ông Nguyễn Thị Anh Tuyền	Luật	Anh văn	
185	463475	Dương Văn Anh	Luật	Anh văn	
186	463478	Lê Hoàng Gia Bảo	Luật	Anh văn	
187	463497	Lê Linh Trang	Luật	Anh văn	
188	463498	Nguyễn Đức Việt	Luật	Anh văn	
189	462240	Vũ Thị Thoa	Luật	Anh văn	
190	463502	Đỗ Thị Minh Anh	Luật	Anh văn	
191	463503	Lê Thị Huệ Anh	Luật	Anh văn	
192	463510	Nguyễn Đan Chi	Luật	Anh văn	
193	4635101	Trần Hoàng Anh	Luật	Anh văn	
194	463514	Nguyễn Trần Dũng	Luật	Anh văn	
195	463517	Trần Hoàng Dương	Luật	Anh văn	
196	463523	Lê Thị Thu Hằng	Luật	Anh văn	
197	463524	Nguyễn Đức Hiếu	Luật	Anh văn	
198	463525	Vũ Minh Hiền	Luật	Anh văn	
199	463526	Nguyễn Quang Hoàn	Luật	Anh văn	
200	463528	Đặng Đức Huy	Luật	Anh văn	
201	463533	H - Năm - Niê - Kdăm	Luật	Anh văn	
202	463541	Trần Đức Lương	Luật	Anh văn	
203	463545	Vũ Đình Mão	Luật	Anh văn	
204	463549	Nguyễn Hiền Yến Nhi	Luật	Anh văn	
205	463550	Trương An Ninh	Luật	Anh văn	
206	463553	Huy' nh Ngo?c Minh Quang	Luật	Anh văn	
207	463557	Đặng Minh Tâm	Luật	Anh văn	
208	463569	Nguyễn Thị Nhã Uyên	Luật	Anh văn	
209	463576	Đào Phương Anh	Luật	Anh văn	
210	463579	Đỗ Thanh Hà	Luật	Anh văn	
211	463580	Bùi Nguyễn Bảo Hân	Luật	Anh văn	
212	463595	Bùi Lê Quỳnh Trang	Luật	Anh văn	
213	453615	Hoàng Lê Mai Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	
214	460919	Vương Quốc Khánh	Luật chất lượng cao	Anh văn	
215	462705	Chu Việt Bách	Luật chất lượng cao	Anh văn	
216	462713	Nguyễn Huy Hoàng	Luật chất lượng cao	Anh văn	
217	462715	Nguyễn Thanh Minh Huyền	Luật chất lượng cao	Anh văn	
218	462722	Trần Khánh Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	
219	462733	Trần Lan Phương	Luật chất lượng cao	Anh văn	
220	462734	Vũ Hạnh Quyên	Luật chất lượng cao	Anh văn	
221	462737	Nguyễn Vi Thanh Thảo	Luật chất lượng cao	Anh văn	
222	462801	Đỗ Diệu Minh An	Luật chất lượng cao	Anh văn	
223	462802	Đặng Phương Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	
224	462803	Phạm Đức Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	
225	462806	Đinh Khánh Chi	Luật chất lượng cao	Anh văn	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Ngoại ngữ	Ghi chú
226	462807	Phạm Huyền Diệu	Luật chất lượng cao	Anh văn	
227	462808	Hoàng Thị Thùy Dương	Luật chất lượng cao	Anh văn	
228	462812	Ngô Minh Hằng	Luật chất lượng cao	Anh văn	
229	462814	Hà Khánh Huyền	Luật chất lượng cao	Anh văn	
230	462815	Đoàn Ngọc Khánh	Luật chất lượng cao	Anh văn	
231	462816	Nguyễn Lâm Khoa	Luật chất lượng cao	Anh văn	
232	462817	Dương Khánh Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	
233	462818	Đinh Khánh Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	
234	462819	Đinh Thảo Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	
235	462820	Nguyễn Đặng Phương Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	
236	462825	Đinh Hồng Minh	Luật chất lượng cao	Anh văn	
237	462829	Trương Thị Thảo My	Luật chất lượng cao	Anh văn	
238	462906	Phạm Tuấn Duy	Luật chất lượng cao	Anh văn	
239	462909	Nguyễn Hương Giang	Luật chất lượng cao	Anh văn	
240	462911	Đỗ Minh Hạnh	Luật chất lượng cao	Anh văn	
241	462912	Nguyễn Quỳnh Hoa	Luật chất lượng cao	Anh văn	
242	462920	Nguyễn Quỳnh Hương Ly	Luật chất lượng cao	Anh văn	
243	462921	Trần Ngọc Mai	Luật chất lượng cao	Anh văn	
244	462923	Trần Hoàng Minh	Luật chất lượng cao	Anh văn	
245	462926	Nguyễn Linh Ngọc	Luật chất lượng cao	Anh văn	
246	462928	Đỗ Thế Phương	Luật chất lượng cao	Anh văn	
247	462930	Trần Thế Phương	Luật chất lượng cao	Anh văn	
248	462935	Đặng Vân Thủy	Luật chất lượng cao	Anh văn	
249	462936	Lưu Thị Kim Trang	Luật chất lượng cao	Anh văn	
250	462940	Bùi Ngọc Vy	Luật chất lượng cao	Anh văn	
251	462941	Cao Ngọc Yến Chi	Luật chất lượng cao	Anh văn	
252	463003	Hồ Vũ Quỳnh Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	
253	463005	Vũ Lan Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	
254	463007	Hoàng Yến Chi	Luật chất lượng cao	Anh văn	
255	463009	Trần Hữu Đại	Luật chất lượng cao	Anh văn	
256	463017	Đàm Khánh Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	
257	463025	Võ Ngọc Minh	Luật chất lượng cao	Anh văn	
258	463026	Đoàn Thu Nga	Luật chất lượng cao	Anh văn	
259	463039	Nguyễn Thị Kim Vân	Luật chất lượng cao	Anh văn	
260	463040	Hoàng Hà Vy	Luật chất lượng cao	Anh văn	
261	463041	Trần Châu Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	
262	463101	Lê Hải Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	
263	463102	Lê Nhật ánh	Luật chất lượng cao	Anh văn	
264	463106	Nguyễn Thùy Chi	Luật chất lượng cao	Anh văn	
265	463109	Vũ Minh Đạt	Luật chất lượng cao	Anh văn	
266	463111	Vũ Minh Hiếu	Luật chất lượng cao	Anh văn	
267	463112	Vũ Mai Hương	Luật chất lượng cao	Anh văn	
268	463115	Đàm Lê Thuỳ Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	
269	463117	Nguyễn Thị Thùy Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	
270	463118	Vũ Ngọc Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	
271	463131	Mai Thị Phương Thanh	Luật chất lượng cao	Anh văn	

STT	Mã SV	Họ tên		Ngành	Ngoại ngữ	Ghi chú
272	463132	Nguyễn Nhật	Thành	Luật chất lượng cao	Anh văn	
273	463133	Lê Kim Phương	Thảo	Luật chất lượng cao	Anh văn	
274	463140	Trần Thị	Uyên	Luật chất lượng cao	Anh văn	
275	463202	Nguyễn Phương	Ánh	Luật chất lượng cao	Anh văn	
276	463230	Đoàn Trang	Nhung	Luật chất lượng cao	Anh văn	
277	463235	Phạm Thủy	Tiên	Luật chất lượng cao	Anh văn	
278	422605	Nguyễn Thị	Nhung	Luật Kinh tế	Anh văn	
279	432551	Nguyễn Thị Mai	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	
280	442232	Phạm Thị Thanh	Hiền	Luật Kinh tế	Anh văn	
281	452415	Đặng Nguyễn Quang	Huy	Luật Kinh tế	Anh văn	
282	461701	Nguyễn Mạnh Huy	An	Luật Kinh tế	Anh văn	
283	461702	Thái Ngọc	An	Luật Kinh tế	Anh văn	
284	461705	Ngô Thị Minh	ánh	Luật Kinh tế	Anh văn	
285	461707	Nguyễn Thị Lan	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	
286	461709	Trần Mai	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	
287	461714	Mạc Văn	Dũng	Luật Kinh tế	Anh văn	
288	461717	Phạm Bảo	Đức	Luật Kinh tế	Anh văn	
289	461720	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Luật Kinh tế	Anh văn	
290	461721	Tăng Thị Thục	Hiền	Luật Kinh tế	Anh văn	
291	461725	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Luật Kinh tế	Anh văn	
292	461732	Lê Vũ Khánh	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	
293	461734	Phùng Thị Diệu	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	
294	461737	Vũ Thị	Nga	Luật Kinh tế	Anh văn	
295	461742	Nguyễn Thu	Phương	Luật Kinh tế	Anh văn	
296	461744	Phạm Thị Như	Quỳnh	Luật Kinh tế	Anh văn	
297	461746	Nguyễn Văn	Tâm	Luật Kinh tế	Anh văn	
298	461748	Vũ Lê Hiền	Thảo	Luật Kinh tế	Anh văn	
299	461749	Quách Thị Hà	Thủy	Luật Kinh tế	Anh văn	
300	461752	Lý Thị Thu	Trang	Luật Kinh tế	Anh văn	
301	461754	Nguyễn Thị Thanh	Trà	Luật Kinh tế	Anh văn	
302	461755	Bùi Văn	Tuấn	Luật Kinh tế	Anh văn	
303	461757	Hoàng Thanh	Tùng	Luật Kinh tế	Anh văn	
304	461758	Nguyễn Khánh	Vân	Luật Kinh tế	Anh văn	
305	461760	Lê Minh	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	
306	461761	Phan Thị Kim	Chi	Luật Kinh tế	Anh văn	
307	461802	Nguyễn Minh	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	
308	461808	Nguyễn Hoàng	Danh	Luật Kinh tế	Anh văn	
309	461823	Bùi Linh	Huệ	Luật Kinh tế	Anh văn	
310	461824	Nguyễn Khánh	Huyền	Luật Kinh tế	Anh văn	
311	461828	Hoàng Diệu	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	
312	461830	Nguyễn Hoàng Ngọc	Mai	Luật Kinh tế	Anh văn	
313	461832	Lê Nguyễn Diễm	My	Luật Kinh tế	Anh văn	
314	461835	Vi Thị Kim	Ngân	Luật Kinh tế	Anh văn	
315	461839	Đinh Lưu	Như	Luật Kinh tế	Anh văn	
316	461850	Trần Nguyễn Thủy	Tiên	Luật Kinh tế	Anh văn	
317	461851	Nguyễn Hà	Trang	Luật Kinh tế	Anh văn	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Ngoại ngữ	Ghi chú
318	461860	Bùi Văn Cường	Luật Kinh tế	Anh văn	
319	461907	Phạm Gia Bình	Luật Kinh tế	Anh văn	
320	461908	Vũ Thảo Chi	Luật Kinh tế	Anh văn	
321	461912	Bùi Thị Minh Đan	Luật Kinh tế	Anh văn	
322	461913	Vũ Thị Linh Đan	Luật Kinh tế	Anh văn	
323	461914	Lý Thị Khánh Đoan	Luật Kinh tế	Anh văn	
324	461917	Đinh Thị Thu Hà	Luật Kinh tế	Anh văn	
325	461919	Vũ Thị Mỹ Hào	Luật Kinh tế	Anh văn	
326	461920	Lý Thị Hạnh	Luật Kinh tế	Anh văn	
327	461921	Ngô Ngọc Hân	Luật Kinh tế	Anh văn	
328	461922	Lê Minh Hiếu	Luật Kinh tế	Anh văn	
329	461925	Lã Thanh Hoà	Luật Kinh tế	Anh văn	
330	461927	Bùi Đoàn Phi Hồng	Luật Kinh tế	Anh văn	
331	461930	Nguyễn Thu Hương	Luật Kinh tế	Anh văn	
332	461931	Linh Thị Kín	Luật Kinh tế	Anh văn	
333	461932	Vũ Hoàng Lâm	Luật Kinh tế	Anh văn	
334	461934	Thang Thị Vy Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	
335	461935	Tạ Thị Xuân Mai	Luật Kinh tế	Anh văn	
336	461937	Đặng Thanh Ngân	Luật Kinh tế	Anh văn	
337	461939	Dương Ngọc Phương	Luật Kinh tế	Anh văn	
338	461944	Nguyễn Phương Thảo	Luật Kinh tế	Anh văn	
339	461950	Hoàng Văn Tiến	Luật Kinh tế	Anh văn	
340	461955	Vũ Cẩm Tú	Luật Kinh tế	Anh văn	
341	461956	Toàn Thanh Tùng	Luật Kinh tế	Anh văn	
342	461961	Phạm Trần Diệu Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	
343	462020	Đàm Quang Huy	Luật Kinh tế	Anh văn	
344	462024	Cao Quốc Khánh	Luật Kinh tế	Anh văn	
345	462025	Bùi Trung Kiên	Luật Kinh tế	Anh văn	
346	462030	Trần Gia Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	
347	462033	Chử Hoàng Nam	Luật Kinh tế	Anh văn	
348	462034	Lê Thị Ngân	Luật Kinh tế	Anh văn	
349	462036	Phan Thị Yến Nhi	Luật Kinh tế	Anh văn	
350	462040	Chu Thúy Quỳnh	Luật Kinh tế	Anh văn	
351	462041	Nguyễn Như Quỳnh	Luật Kinh tế	Anh văn	
352	462043	Vũ Thị Quỳnh	Luật Kinh tế	Anh văn	
353	462044	Nguyễn Phúc Thành	Luật Kinh tế	Anh văn	
354	462053	Đậu Thị Ngọc Trâm	Luật Kinh tế	Anh văn	
355	462103	Nguyễn Đức Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	
356	462106	Đỗ Kim Chi	Luật Kinh tế	Anh văn	
357	462107	Trần Thị Chuyển	Luật Kinh tế	Anh văn	
358	462108	Nguyễn Thị Thùy Dung	Luật Kinh tế	Anh văn	
359	462110	Trần Thùy Dương	Luật Kinh tế	Anh văn	
360	462116	Bùi Thanh Hiền	Luật Kinh tế	Anh văn	
361	462117	Bùi Thị Thanh Hoa	Luật Kinh tế	Anh văn	
362	462127	Đỗ Thùy Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	
363	462135	Mã Kiều Ngân	Luật Kinh tế	Anh văn	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Ngoại ngữ	Ghi chú
364	462154	Nguyễn Trọng Nam	Trường	Luật Kinh tế	Anh văn
365	462157	Phạm Thành	Vinh	Luật Kinh tế	Anh văn
366	462158	Vương Thị Hồng	Yến	Luật Kinh tế	Anh văn
367	462159	Bùi Thị Minh	An	Luật Kinh tế	Anh văn
368	462202	Lê Thị Ngọc	ánh	Luật Kinh tế	Anh văn
369	462203	Nguyễn Việt	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn
370	462213	Nguyễn Thị Việt	Hồng	Luật Kinh tế	Anh văn
371	462220	Cao Thị Trà	My	Luật Kinh tế	Anh văn
372	462221	Đinh Nguyễn Uyển	My	Luật Kinh tế	Anh văn
373	462223	Trần Thị Nguyệt	Nga	Luật Kinh tế	Anh văn
374	462226	Hoàng Thị Thảo	Nguyên	Luật Kinh tế	Anh văn
375	462230	Nguyễn Trang	Nhung	Luật Kinh tế	Anh văn
376	462232	Phan Tuấn	Phong	Luật Kinh tế	Anh văn
377	462233	Lê Lan	Phương	Luật Kinh tế	Anh văn
378	462244	Trần Thị Hoài	Thương	Luật Kinh tế	Anh văn
379	462246	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Luật Kinh tế	Anh văn
380	462248	Hoàng Thanh	Trà	Luật Kinh tế	Anh văn
381	462254	Phạm Thanh	Tùng	Luật Kinh tế	Anh văn
382	462255	Trương Phương	Uyên	Luật Kinh tế	Anh văn
383	462301	Hồ Trịnh Phương	An	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn
384	462302	Vũ Thu	An	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn
385	462305	Nguyễn Hoàng	Anh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn
386	462310	Nguyễn Thị Ngọc	Bảo	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn
387	462320	Nguyễn Vinh	Hiền	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn
388	462324	Lại Việt	Hòa	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn
389	462328	Nguyễn Tuyết	Lê	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn
390	462336	Nguyễn Tuấn	Minh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn
391	462343	Nguyễn Như Thái	Phong	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn
392	462345	Vũ Minh	Tâm	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn
393	462350	Phạm Thùy	Trang	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn
394	462351	Vũ Quỳnh	Trâm	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn
395	462352	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn
396	462353	Nguyễn Thị Hải	Yến	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn
397	462355	Lê Minh	Huyền	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn
398	462401	Trần Hữu Phúc	An	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn
399	462402	Đỗ Ngọc Nam	Anh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn
400	462405	Nguyễn Hương	Anh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn
401	462412	Phạm Quỳnh	Chi	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn
402	462413	Đoàn Hoàng	Diệp	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn
403	462414	Nguyễn An	Dung	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn
404	462415	Lương Nhật	Đức	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn
405	462416	Lê Phương	Giang	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn
406	462417	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn
407	462419	Nguyễn Khánh	Hiền	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn
408	462420	Nguyễn Thu	Hiền	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn
409	462421	Phùng Thu	Hiền	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Ngoại ngữ	Ghi chú
410	462424	Trần Mạnh Huy	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	
411	462425	Vũ Minh Huyền	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	
412	462429	Bùi Trần Khánh Linh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	
413	462431	Nguyễn Khánh Linh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	
414	462433	Phạm Khánh Linh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	
415	462436	Đặng Nhật Minh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	
416	462442	Nguyễn Thái Ngọc	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	
417	462443	Phan Thảo Nguyên	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	
418	462446	Trần Thị Trúc Quỳnh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	
419	462449	Phạm Mai Thi	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	
420	462451	Nguyễn Thị Hà Trang	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	
421	462455	Lê Quý Vương	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	
422	462456	Tăng Vũ Hoàng Minh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	
423	443043	Lê Trần Vượng	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
424	462502	Dương Thị Ngọc ánh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
425	462504	Nguyễn Lê Lan Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
426	462505	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
427	462510	Đặng Trần Kim Chi	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
428	462512	Lê Tùng Chi	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
429	462513	Trần Yến Chi	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
430	462517	Đoàn Linh Hà	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
431	462518	Trần Nhật Hào	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
432	462524	Nguyễn Thu Hương	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
433	462525	Nguyễn Diệu Khánh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
434	462527	Nguyễn Thị Thùy Linh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
435	462529	Nguyễn Thị Lộc	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
436	462531	Đào Trúc Mai	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
437	462532	Lương Thị Mai	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
438	462533	Hoàng Nhật Minh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
439	462534	Nguyễn Đoàn Phương Minh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
440	462536	Nguyễn Thị Trà My	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
441	462538	Trần Thị Kim Ngân	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
442	462539	Nguyễn Văn Nhi	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
443	462541	Nguyễn Đức Phát	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
444	462542	Trần Đình Quang	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
445	462544	Lê Thị Phương Thanh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
446	462547	Hoàng Thu Thảo	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
447	462548	Nguyễn Trịnh Ngọc Thảo	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
448	462554	Bùi Mai Uyên	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
449	462555	Nguyễn Mạnh Tường Vi	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
450	462556	Nguyễn Hoàng Yến	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
451	462557	Nguyễn Trí Cao	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
452	462564	Tiêu Hà Thu	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
453	462565	Nguyễn Bình Yên	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
454	462566	Nguyễn Xuân Hương	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
455	462601	Đoàn Ngọc Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	

STT	Mã SV	Họ tên		Ngành	Ngoại ngữ	Ghi chú
456	462609	Trần Đoàn Khánh	Bảng	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
457	462610	Nguyễn Minh	Châu	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
458	462615	Bùi Thị Xuân	Đan	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
459	462616	Đỗ Phan Hà	Giang	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
460	462619	Đình Quang	Hiếu	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
461	462621	Bùi Thu	Hoài	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
462	462632	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
463	462634	Vũ Thanh	Nhàn	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
464	462637	Nguyễn Lâm	Phương	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
465	462639	Trần Khánh	Phương	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
466	462640	Lê Thị Như	Quỳnh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
467	462641	Vũ Thị	Tâm	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
468	462642	Nguyễn Mai	Thanh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
469	462644	Đỗ Thị Phương	Thảo	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
470	462645	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
471	462658	Nguyễn Yến	Chi	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
472	462659	Hà Thị Thanh	Hằng	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
473	462660	Nguyễn Thị Thanh	Lan	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
474	462663	Nguyễn Hữu	Nam	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	
475	460157	Lê Thị	Linh	Luật	Nga văn	
476	460248	Nguyễn Thị Thu	Trang	Luật	Nga văn	
477	460318	Nguyễn Thu	Hằng	Luật	Nga văn	
478	460323	Hà Thị Thanh	Huyền	Luật	Nga văn	
479	460519	Nguyễn Thị	Hồng	Luật	Nga văn	
480	460941	Dương Thị	Thảo	Luật	Nga văn	
481	461112	Nguyễn Như	Hà	Luật	Nga văn	
482	461323	Nguyễn Ngọc	Liên	Luật	Nga văn	
483	461428	Trần Thị	Liên	Luật	Nga văn	
484	462259	Quảng Thu	Huyền	Luật Kinh tế	Nga văn	
485	451350	Lang Đức	Thắng	Luật	Trung văn	
486	451550	Lê Văn	Trường	Luật	Trung văn	
487	451755	Trần Mỹ	Linh	Luật	Trung văn	
488	460515	Nguyễn Xuân	Hiếu	Luật	Trung văn	
489	460604	Nguyễn Trần Ngọc	Anh	Luật	Trung văn	
490	460609	Châu Văn	Dự	Luật	Trung văn	
491	460621	Thái Thị Ngọc	Khánh	Luật	Trung văn	
492	460659	Phạm Văn	Quân	Luật	Trung văn	
493	460701	Bàn Ngọc	Anh	Luật	Trung văn	
494	460708	Nguyễn Thị	Doanh	Luật	Trung văn	
495	460814	Nguyễn Thị	Hiền	Luật	Trung văn	
496	460921	Lê Ngọc Phương	Linh	Luật	Trung văn	
497	461033	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Luật	Trung văn	
498	461037	Nguyễn Quang	Phúc	Luật	Trung văn	
499	461060	Lò Thị	Nghiệp	Luật	Trung văn	
500	461146	Nguyễn Thanh	Thư	Luật	Trung văn	
501	463136	Vũ Thị	Thương	Luật	Trung văn	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngành	Ngoại ngữ	Ghi chú
502	461227	Vũ Thị Cẩm Ly	Luật	Trung văn	
503	461315	Phan Thị Hà	Luật	Trung văn	
504	461416	Phan Thị Thu Hà	Luật	Trung văn	
505	461446	Bùi Thu Trang	Luật	Trung văn	
506	461454	Trần Thùy Linh	Luật	Trung văn	
507	461462	Nguyễn Huyền Trang	Luật	Trung văn	
508	461531	Lê Thiện Thanh Nga	Luật	Trung văn	
509	461535	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Luật	Trung văn	
510	461538	Tổng Như Quỳnh	Luật	Trung văn	
511	461539	Nguyễn Khánh Sơn	Luật	Trung văn	
512	461641	Trần Thị Diễm Quỳnh	Luật	Trung văn	
513	460520	Trần Thị Thu Hồng	Luật	Trung văn	Hoãn thi xin thi lại
514	461836	Nguyễn Thị Ngọc	Luật Kinh tế	Trung văn	
515	461838	Phạm Thị Hồng Nhung	Luật Kinh tế	Trung văn	
516	461859	Nguyễn Kiều Chinh	Luật Kinh tế	Trung văn	
517	461911	Nguyễn Bạch Dương	Luật Kinh tế	Trung văn	
518	461924	Đàm Thanh Hoa	Luật Kinh tế	Trung văn	
519	461926	Trần Thị Hòa	Luật Kinh tế	Trung văn	
520	461947	Hoàng Thị Thu Thùy	Luật Kinh tế	Trung văn	
521	461948	Hà Anh Thủy	Luật Kinh tế	Trung văn	
522	462009	Hoàng Thị Chung	Luật Kinh tế	Trung văn	
523	462021	Hoàng Thị Huyền	Luật Kinh tế	Trung văn	
524	462032	Hoàng Thu Mến	Luật Kinh tế	Trung văn	
525	462048	Bùi Thị Hoài Thương	Luật Kinh tế	Trung văn	
526	462146	Phạm Thị Thảo	Luật Kinh tế	Trung văn	
527	462153	Nguyễn Thanh Trúc	Luật Kinh tế	Trung văn	
528	462239	Vàng Thanh Thảo	Luật Kinh tế	Trung văn	

* Ghi chú: Sinh viên đủ điều kiện dự thi khi đã đăng ký và đóng lệ phí đúng hạn